

THÔNG TƯ

**Quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin
và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính**

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.
2. Cơ quan thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
3. Cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
4. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.
5. Cơ quan thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.
6. Cơ quan quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.
7. Cơ quan quyền lực nhà nước thực hiện chức năng giám sát công tác xử lý vi phạm hành chính.
8. Tổ chức bị xử phạt, cá nhân bị xử lý vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Ngoài những nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 20/2016/NĐ-CP), quá trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Việc cập nhật thông tin vào và cung cấp thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Việc cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thông qua phương tiện điện tử được thực hiện bằng tài khoản truy nhập do cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cấp.

Điều 4. Những hành vi không được thực hiện

Ngoài những hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 6 Nghị định số 20/2016/NĐ-CP, trong quá trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính không được thực hiện những hành vi sau:

1. Không thực hiện, trì hoãn thực hiện việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin theo quy định.

2. Cố ý làm thất lạc dữ liệu.

3. Làm lộ phương thức kết nối, địa chỉ và mã khoá truy nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính đã được cấp.

4. Khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính ngoài phạm vi các trường thông tin được chia sẻ.

5. Cung cấp, chia sẻ thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cho tổ chức, cá nhân khác.

Điều 5. Thông tin về xử lý vi phạm hành chính được nhập mới và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Những thông tin được nhập mới vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, bao gồm:

a) Thông tin về: Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính; đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đối tượng bị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

b) Số, ngày, tháng, năm ban hành: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

c) Hành vi vi phạm; hình thức xử phạt, mức phạt; biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

d) Hành vi vi phạm; biện pháp xử lý hành chính bị áp dụng; thời hạn áp dụng;

đ) Lý do áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình; thời hạn áp dụng, ngày thi hành Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

e) Tên tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát người chưa thành niên bị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

g) Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, chức danh của người ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Cơ quan hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, chức danh của người ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình.

2. Những thông tin được cập nhật bổ sung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, bao gồm:

a) Hoàn thi hành quyết định phạt tiền; tạm đình chỉ thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; đình chỉ thi hành các hình thức xử phạt hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

b) Giảm, miễn tiền phạt; nộp tiền phạt nhiều lần (số tiền đã nộp phạt, số tiền chưa nộp phạt (nếu có));

c) Cường chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

d) Thời điểm chấp hành xong: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình;

đ) Hoàn, miễn; giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

e) Thời điểm chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (nếu có); lý do của việc chấm dứt; biện pháp xử lý tiếp theo;

g) Khiếu nại, khởi kiện: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (nếu có); Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (nếu có); Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (nếu có);

h) Kiến nghị, kháng nghị Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (nếu có).

Chương II

CUNG CẤP, TIẾP NHẬN THÔNG TIN VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 6. Trách nhiệm cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính

1. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm a, b, c và g khoản 1, các điểm a, b, d và g khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

2. Cơ quan thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm a, b, và d khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

3. Cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm c và d khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

4. Cơ quan hoặc cơ quan của người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

5. Cơ quan thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại các điểm d, đ, e, g và h khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Điều 7. Thời hạn cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính

1. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc Quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình và các quyết định có liên quan, các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này phải cung cấp thông tin cho người hoặc bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin của cơ quan mình.

2. Tại vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền núi mà việc đi lại gặp khó khăn, thời gian cung cấp thông tin về xử phạt vi phạm hành chính cho người hoặc bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin được kéo dài hơn nhưng không quá 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Trường hợp thu tiền phạt tại chỗ hoặc xử phạt trên biển, cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người hoặc bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin của cơ quan mình trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nộp tiền phạt đã thu được tại Kho bạc Nhà nước hoặc tại ngân hàng thương mại được Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt hoặc nộp vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước.

Điều 8. Trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra và thời hạn kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính

1. Người được phân công hoặc bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này (sau đây gọi chung là bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin) có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính phải thực hiện theo trình tự như sau:

a) Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở tài liệu được cung cấp.

b) Khi phát hiện thông tin về xử lý vi phạm hành chính còn thiếu hoặc chưa rõ ràng thì bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin phải đề nghị cơ quan đã cung cấp thông tin bổ sung hoặc làm rõ thông tin. Việc bổ sung, làm rõ thông tin được thực hiện trong 01 (một) ngày làm việc.

3. Thời hạn kiểm tra thông tin về xử lý vi phạm hành chính là 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông tin cung cấp từ cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Chương III
CẬP NHẬT, ĐÍNH CHÍNH, BỔ SUNG, HIỆU CHỈNH THÔNG TIN
TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 9. Trách nhiệm cập nhật, đính chính, bổ sung và hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

Tại những cơ quan có tổ chức bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin độc lập, Thủ trưởng cơ quan phải phân công 01 (một) người phụ trách để phân công công việc và duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu.

2. Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này quyết định việc đính chính, bổ sung thông tin khi phát hiện có sự sai sót, nhầm lẫn về dữ liệu hoặc còn thiếu thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

3. Các cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này thực hiện việc hiệu chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính hoặc Cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thực hiện việc hiệu chỉnh thông tin trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 10. Nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính sau khi đã tiến hành kiểm tra thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Người được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin tiến hành kiểm tra, đối chiếu thông tin được nhập mới với thông tin trong tài liệu về xử lý vi phạm hành chính, nếu thông tin là chính xác thì duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu.

3. Trường hợp phát hiện thông tin có sai sót hoặc chưa rõ thì người được phân công hoặc người đứng đầu bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin phải đề nghị cơ quan đã cung cấp thông tin bổ sung hoặc làm rõ thông tin, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc. Sau khi nhận được thông tin bổ sung hoặc làm rõ thì duyệt thông tin vào cơ sở dữ liệu.

4. Thời hạn nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính là 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra thông tin theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

5. Bộ phận tiếp nhận, cập nhật thông tin thực hiện lưu tài liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về lưu trữ sau khi đã nhập mới thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.